

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 25

Phần: F.I: Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Mã Thị An	8,50	Tám phẩy năm	32	Phương Thị Huyền	8,75	Tám phẩy bảy năm
2	Vũ Văn Anh	8,75	Tám phẩy bảy năm	33	Đinh Thị Lệ	8,50	Tám phẩy năm
3	Nguyễn Triệu Ngọc Ánh	8,50	Tám phẩy năm	34	Hoàng Hải Long	9,00	Chín
4	Đinh Long Bồi	8,50	Tám phẩy năm	35	Ngô Kiều Lượng	8,75	Tám phẩy bảy năm
5	Sầm Đức Chính	8,50	Tám phẩy năm	36	Nguyễn Thị Ly	9,50	
6	Nguyễn Đăng Chính	9,00	Chín	37	Đỗ Hoàng Mai	8,75	Tám phẩy bảy năm
7	Bế Văn Cường	8,50	Tám phẩy năm	38	Lương Thế Minh	8,50	Tám phẩy năm
8	Triệu Văn Cường	8,50	Tám phẩy năm	39	Ngô Thị Mười	9,00	Chín
9	Đàm Đình Diện	8,75	Tám phẩy bảy năm	40	Nông Thị Nga	8,75	Tám phẩy bảy năm
10	Nguyễn Thị Diệp	8,75	Tám phẩy bảy năm	41	Nguyễn Thị Nguyệt	8,75	Tám phẩy bảy năm
11	Đặng Thị Dịu	9,00	Chín	42	Nguyễn Hà Nhân	8,75	Tám phẩy bảy năm
12	Hoàng Văn Dũng	9,00	Chín	43	Nông Thị Nhớ	9,25	Chín phẩy hai năm
13	Đinh Ba Duy	9,00	Chín	44	Nông Thị Như	8,50	Tám phẩy năm
14	Long Thị Hồng Gấm	9,50	Chín phẩy năm	45	Vi Thị Phương Nhung	8,50	Tám phẩy năm
15	Nguyễn Thị Gấm	8,50	Tám phẩy năm	46	Nông Thị Nụ	8,50	Tám phẩy năm
16	Bé Ích Giang	9,00	Chín	47	Hoàng Thị Quê	8,75	Tám phẩy bảy năm
17	Nguyễn Thị Hà	8,50	Tám phẩy năm	48	Nguyễn Vương Quyền	9,00	Chín
18	Hứa Thị Hằng	8,50	Tám phẩy năm	49	Mã Thị Sa	8,50	Tám phẩy năm
19	Trần Thanh Hằng	8,50	Tám phẩy năm	50	Nông Thị Sen	8,50	Tám phẩy năm
20	Nông Hồng Hạnh	9,00	Chín	51	Hoàng Duy Thắng	8,75	Tám phẩy bảy năm
21	Đặng Thị Hiền	9,00	Chín	52	Đinh Xuân Thành	8,75	Tám phẩy bảy năm
22	Tô Thị Thu Hiền	8,50	Tám phẩy năm	53	Nông Tiến Thành	9,00	Chín
23	Lương Thị Hiệp	8,75	Tám phẩy bảy năm	54	Hoàng Đức Thịnh	8,75	Tám phẩy bảy năm

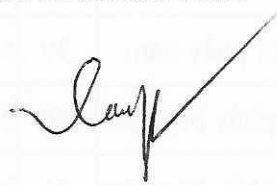
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
24	Hoàng Trung Hòa	8,75	Tám phẩy bảy năm	55	Nông Thị Thanh Thủy		<i>Thôi học</i>
25	Hà Thị Thu Hồng	8,50	Tám phẩy năm	56	Nông Thị Thủy	8,75	Tám phẩy bảy năm
26	Đàm Thị Hợp	8,75	Tám phẩy bảy năm	57	Phạm Thị Huyền Trang	8,75	Tám phẩy bảy năm
27	Hoàng Thị Hồng Huế	8,50	Tám phẩy năm	58	Long Thị Trang	8,75	Tám phẩy bảy năm
28	Đặng Thị Huệ	9,00	Chín	59	Đàm Trọng Tuyên	8,75	Tám phẩy bảy năm
29	Nguyễn Mạnh Hùng	8,50	Tám phẩy năm	60	Đàm Thị Tuyền	8,75	Tám phẩy bảy năm
30	Nguyễn Đức Huy	9,00	Chín	61	Hoàng Bá Tuynh	9,00	Chín
31	Phan Văn Huyền	9,50	Chín phẩy năm	62	Hoàng Thị Tô Uyên	8,75	Tám phẩy bảy năm

Điểm 8,50: 21 điểm; Điểm 8,75: 22 điểm; Điểm 9,00: 14 điểm; Điểm 9,25: 01 điểm; Điểm 9,50: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa